

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 07 - 1 - 2025
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 443/2024/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐXXST - HN ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1990 (có mặt)

Trú tại: Số A, ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: Số A Ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ hiện nay là: Số A khóm A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2024 và tại phiên tòa – nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Lê Thanh T kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/11/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T ăn chơi, không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, thường xuyên cự cãi. Chi N đã nộp đơn ly hôn tại Toà án nhân dân huyện Long Hồ 02 lần vào khoảng tháng 2/2022, và tháng 02/2023, nhưng chị N đã 02 lần rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, anh T không thay đổi tính tình vẫn tiếp tục ăn chơi, không chăm lo gia đình, nên từ tháng 06/2024 chị N không tiếp tục sống chung với anh T mà bỏ về nhà mẹ ruột của chị sinh sống đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 20/11/2015, hiện nay chị N đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Thanh T trình bày tại Bản tự khai đề ngày 19/12/2024 như sau:

Anh T và chị Nguyễn Thị Yến N kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/11/2012. Sau khi kết hôn thì anh T và chị N sống chung với gia đình của anh T, sau khi cha ruột chị N chết thì chị N về nhà mẹ ruột sống đến nay, thời gian đầu anh T có tới lui đến nhà mẹ vợ. Vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì, chỉ cãi vã những chuyện nhỏ trong gia đình. Khoảng năm 2022 chị N có nộp đơn xin ly hôn với anh T, nhưng anh T và chị N đã làm hòa hàn gắn tình cảm vì con. Anh T và chị N đã không sống chung với nhau khoảng 3 tháng nay. Hiện nay, anh T không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ con, anh T xin được đoàn tụ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 20/11/2015, hiện nay con đang sống chung với chị N. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh T đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã P (nay là thị trấn L), huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Thanh T có đến tham gia phiên toà xét xử ngày 07/01/2025, nhưng anh T tự ý bỏ về không tiếp tục tham gia phiên toà, nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 123, quyển số 01/2012, do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 07/11/2012 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Yến N và anh Lê Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã có nhiều bất hòa, anh T không chăm lo gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi; chị N và anh T không sống chung với nhau hơn 6 tháng nay, nên không có sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N đã nhiều lần nộp đơn xin ly hôn với anh T, sau đó tự nguyện rút đơn lại cho anh T cơ hội để thay đổi, nhưng vợ chồng cũng không thể hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 20/11/2015.

Xét thấy, cháu Kỳ D hiện nay do chị N đang nuôi dưỡng, cháu Kỳ D cũng có nguyện vọng sống cùng với chị N, anh T cũng đồng ý giao cháu Kỳ D cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng khi ly hôn. Để đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần, đồng thời để đảm bảo quyền lợi của trẻ em sau khi ly hôn, nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao cháu Lê Nguyễn Kỳ D cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N, anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với anh Lê Thanh T

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 20/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Yến N tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị N và anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001425 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Yến N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú